Ký bởi: CÔNG BÁO NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Ngày ký: 2026-05-22 12:57:17 +07:00

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 823/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 11 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt đề cương điều chỉnh Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017, Luật số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025, Luật Quy hoạch ngày 10 tháng 12 năm 2025;

- Căn cứ Nghị định số 70/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch;

- Căn cứ Nghị quyết số 174/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024 Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV và Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 18/3/2025 của Chính phủ về việc phê duyệt nhiệm vụ lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

- Căn cứ Nghị quyết số 252/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

- Căn cứ Quyết định số 895/QĐ-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đề cương điều chỉnh Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với các nội dung như sau:

1. Tên quy hoạch, thời kỳ quy hoạch, phạm vi, đối tượng quy hoạch

- Tên quy hoạch: Điều chỉnh Quy hoạch lâm nghiệp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau đây viết tắt là QHLN).

- Thời kỳ quy hoạch: thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Phạm vi, ranh giới quy hoạch: Toàn bộ lãnh thổ Việt Nam, bảo đảm phù hợp với Luật Quy hoạch và Nghị quyết số 202/2025/QH15.

- Đối tượng quy hoạch bao gồm: Rừng và đất quy hoạch cho lâm nghiệp.

2. Yêu cầu về nguyên tắc, mục tiêu lập điều chỉnh QHLN

a) Nguyên tắc lập điều chỉnh QHLN

- Tuân thủ quy định của Luật Quy hoạch, Luật Lâm nghiệp và các quy định có liên quan.

- Bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia và các quy hoạch khác có liên quan.

- Bảo đảm tính kế thừa tối đa QHLN hiện có để tránh biến động lớn, xáo trộn, ngắt quãng, đồng thời khắc phục cho được những tồn tại, bất cập của QHLN hiện có.

- Bảo đảm quản lý rừng bền vững; phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng; khai thác, sử dụng rừng gắn với bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học, nâng cao giá trị kinh tế của rừng và bảo tồn di sản, giá trị văn hóa, lịch sử; bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và nâng cao sinh kế của người dân; việc đưa ra ngoài hoặc bổ sung diện tích rừng, đất lâm nghiệp vào quy hoạch lâm nghiệp phải bảo đảm có nguyên tắc và tiêu chí cụ thể, rõ ràng, phù hợp quy định của pháp luật.

- Công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình của các bên liên quan trong quá trình lập, tổ chức triển khai và giám sát thực hiện quy hoạch; bảo đảm quyền

tham gia ý kiến của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư trong quá trình lập quy hoạch.

- Bảo đảm tính khoa học, ứng dụng công nghệ hiện đại trong quá trình lập quy hoạch; đáp ứng được các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, phù hợp với yêu cầu phát triển và hội nhập quốc tế của đất nước.

b) Mục tiêu lập điều chỉnh QHLN

- Mục tiêu tổng quát và tầm nhìn của QHLN phải phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội cả nước thời kỳ 2021 - 2030 và định hướng, chủ trương của Đảng. Đồng thời, xác định được tầm nhìn đến năm 2050 đối với ngành lâm nghiệp Việt Nam.

- Mục tiêu cụ thể phải xác định được các chỉ số, chỉ tiêu, định hướng cơ bản giai đoạn 2026 - 2030 và đến năm 2030 về: Phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất; tỷ lệ che phủ của rừng; phát triển lâm sản ngoài gỗ; phát triển kết cấu hạ tầng lâm nghiệp; nhu cầu sử dụng đất cho phát triển 3 loại rừng và kết cấu hạ tầng lâm nghiệp; phát triển hệ thống chế biến và thương mại lâm sản.

3. Yêu cầu về nội dung và phương pháp lập điều chỉnh QHLN

3.1. Yêu cầu về nội dung lập điều chỉnh QHLN

Nội dung điều chỉnh QHLN tuân thủ theo mục XXVI Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 70/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch và một số nội dung sau:

- Xác định quan điểm quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, sử dụng tài nguyên rừng, phát triển kết cấu hạ tầng lâm nghiệp trong bối cảnh phát triển kinh tế rừng bền vững, nâng cao giá trị lâm sản gắn với khoa học, công nghệ, phục hồi tài nguyên rừng và sinh kế người dân; rà soát, cụ thể hóa các mục tiêu phát triển lâm nghiệp góp phần thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng "2 con số" của cả nước;

- Cập nhật các nội dung thuộc lĩnh vực lâm nghiệp theo các định hướng, chủ trương của Đảng về: đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; hội nhập quốc tế trong tình hình mới; bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Xác định được, thuyết minh đầy đủ, rõ ràng về những nội dung bất cập của QHLN hiện có trong phạm vi toàn quốc và từng địa phương (về diện tích, loại

rừng,…), cần phải điều chỉnh để đảm bảo tính khả thi, đồng bộ, thống nhất giữa các quy hoạch.

3.2. Yêu cầu về phương pháp lập điều chỉnh QHLN

Các phương pháp lập điều chỉnh quy hoạch phải đảm bảo tính kế thừa, bao gồm: khảo sát, thu thập thông tin, thống kê, xử lý thông tin; phân tích hệ thống, tổng hợp và tích hợp quy hoạch; phân tích không gian, chồng lớp bản đồ, sử dụng mô hình toán; phân tích hệ thống điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức; phân tích nguyên nhân và kết quả; so sánh, tổng hợp, phân tích tác động đơn, tác động chéo, phân tích chi phí - lợi ích; dự báo; chuyên gia, hội thảo.

a) Các phương pháp lập điều chỉnh quy hoạch chính:

- Phương pháp điều tra thứ cấp: Khảo sát, thu thập thông tin; kế thừa có chọn lọc các nguồn tài liệu thứ cấp tại địa phương và các cơ quan liên quan; rà soát, đánh giá các chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, đề án, chương trình hành động có liên quan để xem xét kế thừa các nội dung phù hợp.

- Phương pháp khảo sát thực địa: Tổ chức điều tra, khảo sát hiện trường để xác định các chỉ tiêu quy hoạch đất lâm nghiệp và phát triển rừng phù hợp.

- Phương pháp tiếp cận hệ thống, đảm bảo tính kế thừa, tính phát triển.

- Phương pháp thống kê, xử lý số liệu.

- Phương pháp so sánh và các phương pháp phân tích chuyên ngành.

- Phương pháp phân tích không gian trên nền tảng hệ thống thông tin địa lý, bản đồ.

- Các phương pháp toán kinh tế và dự báo.

- Phương pháp chuyên gia.

b) Điều tra, thu thập thông tin:

- Xây dựng đề cương điều tra, thu thập thông tin.

- Các tài liệu thu thập gồm: Diễn biến rừng 2025, kết quả điều tra rừng hoặc kiểm kê rừng mới nhất; kết quả kiểm kê đất đai (năm 2025 hoặc năm mới nhất), định hướng quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2026-2030; kết quả thực hiện quy hoạch lâm nghiệp thời kỳ 2021-2025...; các tài liệu liên quan đến phân bố không gian phải có bản đồ kèm theo (hiện trạng rừng, quy hoạch 3 loại rừng thực hiện đến 2025, định hướng quy hoạch sử dụng đất đến 2030...).

c) Kiểm tra, khảo sát tại hiện trường:

- Trong quá trình xây dựng quy hoạch, khảo sát hiện trường đối với các trường hợp có vướng mắc hoặc có sự không phù hợp giữa QHLN với quy hoạch tỉnh để lựa chọn giải pháp tối ưu nhất.

- Lập các đoàn kiểm tra hiện trường để đánh giá dự thảo quy hoạch đối với các tỉnh có biến động lớn hoặc các tỉnh có ý kiến chưa đồng thuận với dự thảo quy hoạch.

d) Điều chỉnh không gian quy hoạch:

- Chồng xếp các lớp bản đồ để xác định định hướng điều chỉnh không gian quỹ đất lâm nghiệp từ:

+ Các lớp bản đồ chồng xếp phải được chuẩn hóa về TOPO dữ liệu GIS; chuẩn hóa về hệ tọa độ và chuẩn hóa về dữ liệu thuộc tính.

+ Các lớp bản đồ tham gia chồng xếp gồm: điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến 2030, hiện trạng rừng mới nhất năm 2025 (kết quả diễn biến rừng, kiểm kê rừng hoặc điều tra rừng...); hiện trạng sử dụng đất năm 2025 (hoặc hiện trạng ba loại rừng đến năm 2025).

- Đánh giá sự phù hợp giữa hiện trạng sử dụng đất và hiện trạng 03 loại rừng để xác định việc thực hiện quy hoạch đất lâm nghiệp đến năm 2025; xác định định hướng phân bổ không gian quy hoạch đất lâm nghiệp năm 2030.

- Xác định định hướng khả năng tái sinh phục hồi rừng tự nhiên, khả năng trồng rừng.

- Biên tập, xây dựng các sơ đồ điều chỉnh QHLN.

đ) Tổ chức lấy ý kiến điều chỉnh QHLN

- Lấy ý kiến về điều chỉnh QHLN theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 70/2026/NĐ-CP; ý kiến trong quá trình thẩm định quy hoạch theo quy định tại Điều 40 Nghị định số 70/2026/NĐ-CP; ý kiến qua các hội nghị, hội thảo.

- Thuê chuyên gia phản biện độc lập quy hoạch theo quy định.

e) Công bố điều chỉnh quy hoạch theo quy định tại Điều 41, 42 và 43 Luật Quy hoạch.

4. Thời hạn lập điều chỉnh QHLN

Hoàn thành trong Quý II năm 2026.

5. Hồ sơ thẩm định, phê duyệt và sản phẩm giao nộp

5.1. Hồ sơ trình thẩm định điều chỉnh quy hoạch theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Luật Quy hoạch và Điều 43 Nghị định số 70/2026/NĐ-CP.

5.2. Hồ sơ trình quyết định hoặc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Luật Quy hoạch và Điều 44 Nghị định số 70/2026/NĐ-CP.

5.3. Sản phẩm giao nộp thành quả

a) Báo cáo thuyết minh tổng hợp và báo cáo tóm tắt điều chỉnh QHLN;

b) Sơ đồ dạng số và sơ đồ in điều chỉnh QHLN tỷ lệ 1/1.000.000, gồm: Sơ đồ hiện trạng rừng và sử dụng đất lâm nghiệp; Sơ đồ quy hoạch hệ thống rừng đặc dụng, phòng hộ, sản xuất; Sơ đồ định hướng sử dụng đất cho phát triển lâm nghiệp; Cơ sở dữ liệu quy hoạch lâm nghiệp.

Sơ đồ dạng số (file pdf và cơ sở dữ liệu mapinfo) theo phạm vi tỉnh, thành phố tỷ lệ 1/100.000 được ghi vào USB để lưu trữ và bàn giao cho các tỉnh (mỗi tỉnh 01 USB): Sơ đồ hiện trạng rừng và sử dụng đất lâm nghiệp; sơ đồ quy hoạch hệ thống rừng đặc dụng, phòng hộ, sản xuất và sử dụng đất lâm nghiệp.

5.4. Sản phẩm trung gian, gồm: tài liệu thu thập; tài liệu liên quan đến hồ sơ trình thẩm định quy hoạch; tài liệu liên quan đến hồ sơ trình phê duyệt quy hoạch.

6. Kinh phí lập điều chỉnh quy hoạch

Kinh phí lập điều chỉnh quy hoạch từ nguồn ngân sách nhà nước giao cho Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật về ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm:

a) Phê duyệt chi tiết nội dung, dự toán lập điều chỉnh QHLN theo quy định.

b) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức liên quan thực hiện việc lập điều chỉnh quy hoạch theo đề cương điều chỉnh quy hoạch đã được phê duyệt đảm bảo chất lượng, tiến độ, hiệu quả.

2. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố có trách nhiệm:

a) Cung cấp thông tin, dữ liệu về nội dung QHLN và các nội dung liên quan trên địa bàn theo đề nghị của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

b) Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường thống nhất về phương án điều chỉnh nội dung quy hoạch lâm nghiệp trên địa bàn.

c) Tích hợp nội dung QHLN được điều chỉnh trong quy hoạch tỉnh, bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ giữa các quy hoạch theo quy định.

3. Các bộ, ngành liên quan, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường trong quá trình lập điều chỉnh QHLN theo quy định hiện hành, bảo đảm đúng tiến độ và hiệu quả.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Hồ Quốc Dũng